

KÝ ỨC THUỞ THIẾU THỜI

Đoàn Thị Tịnh*

Cha tôi là ông Đoàn Danh Trì người làng Quang Chiêm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Mẹ tôi là bà Trần Thị Truy, người làng Thổ Phụng, huyện Can Lộc cùng tỉnh. Thời trẻ cha mẹ tôi cùng học một trường, hồi ấy chỉ có chữ Nho. Thế rồi cha mẹ chúng tôi lập gia đình với nhau và sinh được hai chị em chúng tôi. Chị tôi là Đoàn Thị Thanh hơn tôi 7 tuổi, tôi là Đoàn Thị Tịnh sinh năm 1917. Mẹ tôi đẻ tôi được 8 tháng thì bị bệnh rồi mất. Tôi được ông bà nội nuôi dưỡng, các cô, chú chăm sóc cho khôn lớn, còn cha tôi lại phải tục huyền.

Cha tôi đậu Tú tài Nho học, được Nhà nước phong Hàn lâm và bổ đi dạy học ở Trường Cao Xuân Dục tại Vinh, ít khi về nhà. Còn tôi cũng vờ vờ theo học ông nội tôi, bấy giờ cũng dạy chữ Nho cho con em trong làng. Phải nói thêm một chút, ông nội tôi là cụ đầu phủ, tên là Đoàn Danh Trung. Người sinh ra ông nội tôi là cụ Âm tên là Đoàn Danh Khoát. Người sinh ra cụ Âm làm đến Án sát, tên là Đoàn Danh Dương. Lúc sinh thời, cụ Án cúng ruộng cho làng nên đến ngày giỗ cụ, làng phải mang cờ, trống tới nhà thờ ông nội tôi để tế, gọi là “tế cụ lớn”. Lại mỗi năm về tháng Bảy làng tế thần, vào dịp ấy làng cũng phải mang cờ trống đến nhà thờ ông nội tôi để rước sắc của ngài về đền tế lễ.

Ông nội tôi có chín người con, 5 trai, 4 gái, cha tôi là con thứ tư. Một người chú thứ sáu là Đoàn Danh Lục làm Đội trạm, lúc Cộng sản nổi dậy liên lạc với Cộng sản, bị Tây bắt đưa đi giam ở nhà lao Ban Mê Thuột, và chết ở trong ấy. Còn lại người chú thứ tám là Đoàn Danh Bát làm việc cho một hãng buôn của Tây ở Vec-xây (Versailles). Nói chung hai chị em chúng tôi vì mồ côi mẹ nên được các bác, chú và cô rất thương. Riêng cha tôi vốn mang cốt cách nhà Nho, lại là giáo học nên tuy cũng thương con, vẫn chú trọng nhiều đến danh giáo. Chị tôi đã được cha tôi hứa gả cho anh Nguyễn Văn Cung (cũng gọi là Quang) con một người bạn đồng song ở làng Thái Yên. Về sau anh Cung đi làm Cộng sản có bí danh là Dật, bị bắt vào nhà pha Hỏa Lò, Hà Nội. Anh viết thư về khuyên chị tôi đi lấy chồng khác vì nếu chờ anh sợ “mỗi mòn vô vọng”. Nhưng cả cha tôi và chị tôi đều không nghe. Đến năm chị tôi 18 tuổi, cha tôi đánh tiếng cho bên nhà chồng xin cưới, và lễ cưới đã diễn ra với chỉ một mình chị tôi đóng vai cô dâu trước hai họ, rồi sau đó đúng là “vò vò” chờ đợi 6 năm cho đến thời kỳ Mặt trận Dân chủ, người chồng mới được ra khỏi nhà tù.

Về phần tôi, năm 12 tuổi cha tôi đã hứa hôn cho gia đình cụ Phạm Khắc Khoan, có con là Phạm Khắc Hòe, Phạm Khắc Quảng, Phạm Khắc Qu. Tôi được hứa hôn với anh Qu. Với tuổi còn quá nhỏ, nghe nói cha đã hứa hôn thì cũng biết vậy chứ chưa có ý niệm gì. Nhưng chị tôi thì rất thương em, thường bảo: “Đừng để con Tịnh phải gặp cảnh như chị”.

Năm tôi 13 tuổi là năm 1930-1931, Cộng sản nổi dậy khắp vùng Nghệ-Tĩnh. Anh em trong vùng vận động tôi đi theo Cộng sản, tôi cũng hồn nhiên nhận lời, được đặt bí danh là Huệ. Vì tôi có biết chữ Quốc ngữ, đoàn thể bèn giao báo chí

* Phu nhân của Giáo sư Nguyễn Đồng Chi, sinh năm 1917, tạ thế ngày 15/12/1996.

của Đảng để tôi đi vận động nhân dân, nhất là giới nữ, đọc cho họ nghe. Về sau tôi được bầu làm Tổ trưởng một tổ Nông hội đỏ ở trong làng. Được một thời gian ngắn thì quân Pháp về đóng đồn ngay giữa xã (ở làng Thái Yên). Các anh chủ chốt chạy trốn hết. Pháp nó lục soát mãi, cuối cùng bắt được bố người chỉ huy Cộng sản ở xã đem ra tra tấn. Đau quá, thế là ông cụ đành khai tôi và một người chị con bác của tôi ra. Ông bảo: “Có hai đứa con gái, đứa nhỏ 14, 15, đứa lớn 16, 17 chuyên đi đưa truyền đơn và báo, nhất là đứa nhỏ biết chữ, nên sổ sách nằm trong tay nó”. Thế là Pháp cho lính về càn làng tôi. Cũng may lúc ấy nói đến Cộng sản thì ai ai cũng nể sợ nên trong hàng ngũ lính tập đã có người báo cho biết trước. Hai chị em chúng tôi liền được lệnh đi trốn ngay trong đêm, chui bờ lủ bụi, lúc nằm xóm này lúc lại chạy sang xóm khác. Cứ thế chừng vài tháng càn quét không bắt được chúng tôi, Tây cũng chán. Bấy giờ trong hàng lính có một người đối với gia đình tôi rất thân thiện, có gì anh thường chống chế với viên đồn Pháp giúp. Lại có ông Lý trưởng là sui gia với gia đình tôi. Pháp cho gọi ông Lý trưởng này lên hỏi, ông cam đoan rằng trong làng không có hai đứa con gái như người ta khai báo, chỉ vì họ bị đánh đau nên khai bậy cho qua chuyện. Lời ông Lý được anh lính có thiện cảm kia xác nhận. Thế là yên. Chị em chúng tôi lại âm thầm trở về làng.

Cha tôi thì cứ dạy học ở Vinh, mãi đến khi phong trào xẹp xuống rồi êm hẳn, mới dám về. Trước kia lúc mới ra Vinh, ông ở nhờ trong nhà cụ Nguyễn Hiệt Chi, người Hà Tĩnh, một nhà giáo cùng dạy chữ Nho với mình ở Trường Cao Xuân Dục. Cha tôi thường kể cụ Hiệt Chi là người hay chữ nổi tiếng, thuở trẻ từng đỗ đầu xứ. Cụ hay chữ nên cứ đến kỳ thi Hương thì nộp đơn vào trường thi rồi làm bài để bán cho chúng bạn lấy tiền tiêu. Chúng bạn đều đỗ Cử nhân còn cụ không kịp làm bài cho mình nên bị hỏng, nhưng càng hỏng tiếng tăm lại càng lừng lẫy hơn. Cụ chơi với các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân... về sau đi tuốt vào Phan Thiết cùng bạn bè mở Trường Dục Thanh và Công ty Liên Thành để hỗ trợ người xuất dương, và truyền bá tân thư, mở đường cho một số chí sĩ ái quốc Nghệ-Tĩnh chạy vào miền trong tìm nơi ẩn trốn. Đến khi người em là Nguyễn Hàng Chi cầm đầu phong trào “Khiếu sư” ở Nghệ-Tĩnh bị kết án chém (1908), thì ở Phan Thiết cụ cũng bị khốn đốn. Cụ đành phải thi vội lấy cái bằng Tú tài để khỏi lụy đến mình. Nam triều bèn bỏ luôn cụ vào ngành giáo học, đưa về dạy ở Trường Quốc Học Huế, rồi lại đưa về Vinh cho dễ bề kiểm soát. Về Vinh, cụ có nhiều học trò giỏi như các ông Hà Huy Giáp, Nguyễn Khánh Toàn, Phạm Thiều... Cụ cùng ông Giải nguyên Lê Thước chung nhau làm bộ sách *Hán văn tân giáo khoa thư* nhiều tập, cho nhiều cấp học, được Nha Học chính ban khen và phong chức Hàn lâm thị giảng, nhưng chỉ cụ thì không phải ở mấy bộ sách này.

Cha tôi kể cho cả nhà nghe như vậy thì tôi cũng biết vậy thôi. Cha tôi ở trong nhà cụ Hiệt Chi 8 năm. Hai cụ trở thành đôi bạn thân tâm đầu ý hợp, cùng nhau soạn bộ *Hán Việt tự điển* nhưng soạn xong chưa kịp in thì sách *Hán Việt tự điển* của ông Vệ Thạch Đào Duy Anh đã in ra bán rất chạy. Hai cụ đành phải gác lại. Năm 1932 cụ Nguyễn Hiệt Chi về hưu, trả lại ngôi nhà thuê ở Vinh để về Hà Tĩnh. Cha tôi cũng về hưu nhưng nhờ có quen biết ông Phó Đức Thành, tức Vĩnh Hưng Tường, một nhà buôn thuốc Bắc rất lớn ở Vinh, nên được ông cho đến ở nhờ một căn nhà lá của ông trong một thửa vườn rộng đến mẫu đất ở ngoại ô, gần chùa Diệc, để hàng ngày đi kê đơn bốc thuốc ở cửa hàng của ông. Để cho tôi khỏi gặp chuyện lòi thoi ở nhà quê, cha tôi liền về đưa tôi và cậu em Đoàn Thượng Xuân con bà mẹ kế ra Vinh ở với ông. Hàng ngày tôi nấu ăn cho cả ba cha con, còn cậu em tôi thì đi học.

Một thời gian sau bà mẹ kế cũng đưa thêm hai em ra Vinh ở với chúng tôi. Thấy nhà và vườn rộng rãi bà bèn nấu cơm tháng cho một số người đến ở trọ. Có một người tên là Lương Xuân Ch. Làm thầy Ký vệ sinh là còn trẻ, ở luôn trong nhà chúng tôi. Ngoài ra, còn có một số thanh niên học sinh học tiểu học và trung học, trong đó có hai anh em anh Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Hưng Chi con cụ Tú Thuận tức cụ Nguyễn Hiệt Chi, và anh Trần Xuân Phác, con cụ Tú Đào. Ít lâu sau nữa lại có thêm một số anh học Trường Quốc Học đến trọ. Học Trường Quốc Học Vinh bây giờ còn sang hơn học đại học bây giờ. Ngay anh Nguyễn Đồng Chi học trung học mà cũng chỉ học ở trường tư thực Lê Văn chứ không thi vào được Quốc Học. Nghe nói học Quốc Học thi ra là đã có thể xin đi làm ông Thông, ông Phán rồi.

Bấy giờ tôi đã 16 tuổi, nên cũng được nhiều người để mắt nhìn ngó. Nhưng phép nhà rất nghiêm nên tôi cũng chẳng để ý đến ai. Tôi nhớ có một anh tên là Thiệu, có lần dúi vào tay tôi một lá thư, tôi không cầm, anh cứ dúi vào tận túi áo, tôi đành mang về mở ra đọc, một phần cũng vì tò mò. Lá thư như sau:

“Thưa chị,

Hàng ngày tôi vẫn thấy chị vui tươi thế, nhưng tôi chắc nếu chị biết được nỗi sầu mênh mang như biển của tôi thì chị cũng động lòng trắc ẩn mà châu lệ chứa chan. Mối sầu ấy vì đâu mà ra thì chắc chị cũng đã rõ, chẳng cần nói ra làm chi cho thêm đau tác lòng. Nhưng thưa chị, tôi không nói ra cũng không được bởi vì trong cảnh phòng không bóng chiếc, mỗi khi đêm khuya cảnh vắng, lúc nhàn hạ trước thư song, tôi chẳng biết cùng ai mà tình tự đôi lời. Tôi không biết đem nỗi tâm khổ của tôi ra mà phân nản cùng ai. Tôi buồn cũng vì thế, tôi đau cũng vì thế. Lắm lúc tôi vẫn muốn hành hung một ai đấy cho thỏa lòng toại chí, nhưng người có nhân cách không tài nào làm những điều nhuốc nhơ như thế được. Suy nghĩ giờ lâu rồi tôi đành bó tay mà chịu. Nào ai là khách tương tri, nào ai biết đến sâu này cho chăng? Sầu này biết tỏ cùng ai. Mối sầu mang xuống thuyền dài chưa tan!

Nếu như sau này chị có lòng thương xin chị hạ ngài bút châu ngọc trả lời cho tôi mấy chữ thì tôi lấy làm sung sướng vô cùng”.

Tôi cứ nhẩn nha đọc thư anh ta như đọc một bài văn trên nhật trình rồi thuộc lòng lúc nào không hay, nhưng thuộc thì thuộc vậy chứ đối với anh học trò Quốc Học ấy tôi vẫn dửng dưng, không thấy có chút cảm động. Vì sao tôi cũng không biết nữa.

Lại cũng có người làm vài câu thơ gửi cho tôi, đến nay tôi đã quên tên người ấy, nhưng thơ thì còn thuộc:

*“Những mong được ra vào chung gối;
Việc trăm năm cho vẹn mối xích thừng,
Biết là mình có thương chăng,
Để tôi luống những ngày trông đêm dài.
Vậy xin trả lại vài lời”.*

Trong những người đeo đuổi tôi dai dẳng hơn cả có thầy Ký Sở Vệ sinh Lương Xuân Ch. đẹp trai lại cao lớn. Thường tôi đi đâu anh cũng hay đi theo, thậm chí tôi đi gánh nước anh cũng tìm cách theo rồi giữ tôi lại đọc đường, chuyện trò hồi lâu mới cho tôi về. Nhưng với anh, tôi cũng thấy lòng mình dửng dưng, nên anh theo thì mặc anh, tôi cứ lạng lẽ làm việc mình. Có một hôm tôi từ ngoài cổng đi vào, anh ra đón tôi ở chỗ khuất và hỏi thẳng tôi:

- Hỏi thật, em chê tôi về việc gì?

Bị hỏi đột ngột tôi chẳng biết trả lời ra sao, sau tôi đành tìm một cớ để nói chống chế:

- Tại thầy cao lớn quá, tôi hãi (người ta gọi anh là “thầy Ký” nên tôi cũng gọi là thầy).

Anh nói:

- Trời ơi, tưởng em chê tôi vì cớ gì chứ em chê tôi cao lớn. Có cao lớn tôi mới che chở cho em được chứ?

Anh cứ nằn nì hỏi tôi mãi, tôi sực nhớ có lần bà của anh vào chơi với anh hai ngày có nói với cha tôi rằng anh nguyên đã có vợ rồi, tôi bèn đem chuyện ấy để trả lời anh. Anh hỏi lại tôi:

- Ai nói với em tôi đã có vợ rồi? Tôi xin thề nếu có vợ rồi thì tôi chết ngay trước mặt em đây.

Tôi nói:

- Bà của thầy bảo thế.

Anh bảo:

- Thì ra là vậy. Ở Thanh Hóa vốn có cái tục hỏi vợ cho con sớm, tôi cũng là một nạn nhân của tục đó. Mới ba, bốn tuổi người ta đã cống tôi đi làm rể mà lấy người nào thì tôi có biết đâu. Đến khi bắt đầu đi học tôi bỏ luôn, không đi lại với gia đình “bên vợ” nữa. Rồi lớn lên vào Vinh làm việc, tôi đoạn tuyệt hẳn.

Tôi nghe anh nói cũng cảm động, nhưng trong lòng vẫn không có chút cảm tình gì. Tôi bèn nói thẳng với anh là cha tôi đã hứa hôn cho tôi từ lâu để anh khỏi mất công đeo đuổi. Vài hôm sau tôi nhận được một lá thư của anh:

“Nếu em không có lòng gì với tôi thật thì xin em trả lời tôi một câu để tôi được xa em, xa cả nỗi buồn rầu đau đớn, rồi đi tìm một nơi cảnh vắng am thanh mà nghe hồi chuông sớm, lắng mối tình trần, cầu nguyện cho ai được nhiều điều may mắn”.

Đó là bức thư thứ sáu, cũng là bức thư cuối cùng của anh gửi cho tôi. Tôi cũng chẳng trả lời anh, vì viết thư thì phép nhà cấm ngặt mà gặp anh tôi thấy cũng bất tiện. Thực lòng tôi có yêu anh đâu. Trong khi đó một người con trai khác trong đám thanh niên ở trọ đã lọt vào mắt tôi.

Đó là anh Nguyễn Đồng Chi, con cụ Nguyễn Hiệt Chi mà trên tôi đã nói. Giờ đây, hỏi vì sao tôi lại để ý đến một người như anh tôi cũng không biết nữa. Có lẽ ở anh có cái tính quả quyết, bướng bỉnh, mà cũng có lẽ là có duyên số gì chẳng. Chỉ biết trong lòng tôi anh để lại một cảm giác khác với nhiều người. Anh Nguyễn Đồng Chi có người anh là Nguyễn Kinh Chi làm Đốc-tờ [bác sĩ] ở Quảng Bình rồi ở Huế. Đang học trung học ở Vinh và trọ ở nhà tôi thì năm 1933 anh được ông Đốc-tờ gọi vào Huế để cùng với ông đi lên Kon Tum nghiên cứu về người Mọi, vì ông Đốc-tờ được Nhà nước cử lên Kon Tum trị bệnh cho người thiểu số, ông sợ nước độc nên để bà vợ dòng tôn thất ở lại Huế mà đi một mình. Hàng ngày anh Đồng Chi cũng có ý quyến luyến tôi nhưng anh không viết thư hay ngỏ lời như mấy anh kia. Thỉnh thoảng tôi lại bắt gặp đôi mắt anh đang nhìn mình, trong cái nhìn có một

điều gì khang khác, khiến tôi thấy chột dạ và cũng đâm ra băng khuâng. Đến khi anh đi Kon Tum tôi mới thấy mình trở nên vắng vẻ trống trải. Tôi không hiểu vì sao nhưng cũng lơ mơ thấy như thiếu một cái gì.

Mấy tháng sau anh đột ngột trở về, lại đến nhà cha tôi ở với chú em là anh Hưng Chi, cả hai chúng tôi đều thấy mừng rỡ lạ lùng. Về phần tôi vẫn không hiểu vì sao mình mừng, nhưng anh Đồng Chi thì ý định đã rõ. Tưởng tôi vẫn còn là một người con gái được tự do, anh về quê thưa chuyện với cụ Hiệt Chi, xin cụ ra Vinh đàm hỏi tôi cho anh ấy. Thế là hai cha con cùng đánh đường ra nhà tôi. Khi thấy có khách tíu tít từ ngoài cổng đi vào tôi vội vàng chạy qua mảnh sân rộng ở nhà sau lần vội xuống bếp. Cha tôi lật đật theo xuống bảo tôi:

- Cụ Hiệt Chi ra chơi, con tèm coi trâu mang lên chào cụ.

Tôi tèm trâu xong bưng ra, cha tôi nói:

- Cháu nó ra chào cụ đấy!

Cụ bảo:

- À, con chị hay là con em đây?

- Đây là con em, còn con chị tôi đã gả cho con ông Thọ An rồi.

- Con em cũng mau lớn nhỉ? Trông cũng ra đáng thiếu nữ lắm rồi.

- Tôi cũng đã hứa hôn về bên ông Hàn Khoan rồi đấy!

Cụ Hiệt Chi nghe đến đấy thì “à” lên một tiếng to rồi cụ lãng sang chuyện khác. Còn anh Đồng Chi lúc ấy cứ ngồi yên như trời trồng. Tôi cũng đâm ngượng, đặt coi trâu xuống nói lí nhí rồi xin vào ngay. Sau này anh Đồng Chi kể lại, khi nghe cha tôi đáp như vậy anh chết điếng cả người, không còn biết cư xử ra sao nữa.

Cụ Hiệt Chi ở lại một vài ngày lĩnh lương hưu rồi về, còn anh Đồng Chi lại ở lại học tiếp trường Lê Văn và đi làm trợ bút cho báo *Thanh-Nghệ-Tĩnh*. Mỗi lần gặp tôi anh không hề níu kéo tay tôi như người khác mà chỉ nói nhỏ: “Cố từ hôn đi để sum họp cùng anh”. Tôi không biết trả lời anh thế nào cả, vì nói không được thì sợ anh buồn lòng, nói được thì tôi biết là mình tự dối lòng, bởi tính cha tôi rất nghiêm, đã nói thế nào là ông làm như thế, ông đời nào chịu nghe tôi. Thành thử một thời gian dài, giữa tôi và anh Đồng Chi như có những uẩn khúc không cởi được cho nhau. Anh thì nóng lòng muốn tôi từ bỏ hôn ước cũ, mà tôi thì tính không ra, cứ loay quanh như gà mắc tóc. Nhưng về mặt tình cảm thì cả anh và tôi đều cảm thấy ngày càng khó mà xa được nhau.

Một hôm thấy tôi cứ chần chừ, sáng sớm anh đánh bạo đi theo cha tôi trên đường đến chỗ làm để giải bày với ông. Chiều, tôi đứng trong cửa nhìn ra thấy anh đi làm về mặt có dáng buồn thiu, tôi đã biết là thất bại. Tối đến anh lén xuống bếp nói chuyện vài câu với tôi, anh bảo:

- Ông Hàn sắt đá lắm, không làm thế nào lay chuyển nổi. Anh nói hết tình cảm của hai đứa mình với cụ, cụ chỉ bảo một câu: “Cậu đừng nói thế! Đã hứa với người ta rồi mà lại bỏ, tôi còn mặt mũi nào trông thấy người ta nữa”. Thế là anh như con chó cụp đuôi.

Tôi rất cảm động, lặng người không nói được câu gì. Thấy anh thương tôi một cách tha thiết chân tình như thế, tôi nghĩ ngay đến anh chàng đã từng đàm hỏi

tôi, nào tôi đã biết rõ mặt mũi và lòng dạ anh ta như thế nào đâu! Từ ba, bốn năm nay anh ta cũng có đến nhà tôi một đôi lần nhưng anh ta đi như đi dạo mát, bạn bầu cả đoàn cùng đi, chỉ ghé qua nhà tôi chốc lát rồi lại tất tả ra ngay, thậm chí cha tôi nghĩ anh ta là con rể tương lai, cho gọi anh lại để hỏi chuyện thêm, anh cũng không ở. So sánh người “bạn đời” chưa quen ấy với anh Đồng Chi thật khác nhau một trời một vực. Anh Đồng Chi thì yêu tôi từ gan ruột còn anh chàng kia, chắc chỉ vâng lời cha mẹ mà miễn cưỡng đến “làm rể” nhà tôi đấy thôi. Hơn nữa anh ta lại là em ruột ông Phạm Khắc Hòe làm Tri phủ ở Thừa Thiên, tức kinh đô Huế, và anh cũng đang học ở trong đó. Kinh đô là nơi vua chúa ở, lại có cả quan lớn quan bé, thiếu gì người sang kẻ quý qua lại. Biết đâu nay mai anh ta đậu, các quan lại chẳng tìm cách kén anh làm rể cho nhà họ, thì mình bấy giờ đâm ra bơ vơ, còn biết chỗ nào mà bầu víu? Chi bằng mình liệu trước đi thì vừa. Nhưng cha mình cứ khăng khăng như vậy hỏi biết làm thế nào?

Nghĩ đi nghĩ lại tôi bỗng nhớ đến ông chú của tôi là Đoàn Danh Bát. Ông là người rất thương và chiều tôi, lại nhờ làm việc ở một hãng buôn Tây nên đầu óc rất mới chứ không cổ hủ. Nếu nhờ ông thì việc ắt phải xong. Thế là tôi thu xếp xin cha tôi cho về quê ở với bà tôi một thời gian. Cha tôi ưng thuận. Từ Vinh về quê tôi phải đi dò. Hai hôm trước ngày xuống dò tôi báo tin cho anh Đồng Chi và dặn anh cứ yên lòng vì tôi đã tính liệu được một kế may ra thì vẹn toàn. Đêm sau anh gặp tôi để chia tay, mặt rất buồn. Anh đưa cho tôi mấy vần thơ lục bát:

*Còn đêm nay nữa mai về,
Sâu tình một độ tái tê cõi lòng.
Thà rằng chẳng biết cho xong
Biết nhau rồi lại như đong vào người.
Ngày mai kẻ ngược người xuôi,
Con dò sao chẳng cho tôi cùng về?
Còn đêm nay nữa mai về,
Xa em chẳng khác đao kề bên tim.
Ước gì hóa được làm chim,
Khi bay bay vút, khi tìm tìm mau.
Trời xanh dù bắt xa nhau,
Lòng anh xin nguyện dài lâu chẳng nề.*

*Còn đêm nay nữa mai về,
Lòng tôi thổn thức tê mê bồi hồi.
Trời làm chi cực rửa trời?
Chưa cùng nhau hợp đã rời nhau ra.
Tơ tình buộc chặt đôi ta,
Lấy nhau chẳng được, buông tha nào nề.*

*Còn đêm nay nữa mai về,
Xa em hình dáng em thì gần luôn.
Bể tình lớp lớp sóng tuôn,
Dây tình chẳng chịt hằng muôn vạn lần.
Chia tay tìm nát thịt dần,
Biết bao giờ lại được gần gũi em?*

Tôi về quê, bấy giờ ông nội đã mất. Chú Bát tôi cũng không đi làm nữa, ở nhà với vợ con và chăm sóc bà tôi. Về được ít lâu tôi lựa lời nói với chú:

- Cháu đã tính kỹ, cháu không lấy con cụ Hàn Khoan nữa đâu.

Chú tôi hỏi vì sao, tôi bèn kể lại cho chú những ý nghĩ và nhận xét của mình, nhất là chuyện anh chàng thờ ơ khi đến nhà, và tương lai của anh là các cô gái con nhà khuê các trong kinh đô Huế chứ đâu phải hạng thiếu nữ bình dân như tôi. Nghe xong chú Bát bảo tôi:

- Cháu nghĩ thế phải lắm. Để chú viết thư cho thầy cháu đã, rồi chú sẽ tới nhà cụ Hàn chú thưa với cụ là được thôi.

Tôi đáp:

- Viết thư cho thầy cháu thì không xong đâu, vì thầy cháu quyết đoán lắm, không dễ gì thay đổi được ý của thầy.

- Cháu cứ để đấy chú liệu, nhưng thư thì ta phải viết để báo cho thầy cháu biết quyết định của mình.

Quả nhiên trong thư trả lời thư chú Bát, cha tôi không hề lay chuyển ý định, như tôi đã đoán. Tôi xem thư rầu rĩ mất mấy ngày. Nhưng chú tôi ý đã quyết, bèn bảo tôi:

- Cháu đừng lo nghĩ. Để chú ra tận Vinh nói thẳng với thầy cháu. Nhược bằng thầy cháu không nghe thì chú cháu ta cũng cứ trả lễ cho nhà họ. Thế là được chứ gì?

Thế rồi chú tôi xuống dò ra Vinh ngay. Gặp cha tôi chú tôi hỏi thẳng vào việc luôn:

- Anh có thương con anh không? Chị thiệt phận chết đi được hai cháu gái, chúng tôi thương cảnh cô cút của chúng lắm. Còn anh sao lại không thương con anh? Con chị anh đã gả cho người bạn đồng song, con người ta đi làm quốc sự bị bắt vào tù, người ta xin cưới anh cũng đã cho cưới không có chú rể, đã năm sáu năm rồi, chồng nó đã về đâu. Sao anh lại hy sinh con anh cho bạn bầu của anh như thế? Nay đến lượt con em, nó không thương người ta anh cũng bắt nó phải lấy, thế là vì cơ gì? Nếu anh không cho nó bỏ thì tôi cũng lên cụ Hàn Khoan tôi xin trả lễ để cụ đừng đi lại nhà ta nữa. Anh muốn theo ý riêng mình cũng chẳng được đâu!

Cha tôi tuy nghiêm nhưng cũng biết nghe lẽ phải. Thấy chú tôi nói có tình có lý cha tôi bắt đầu hiểu ra. Ông trầm ngâm hồi lâu rồi chép miệng:

- Ủ thì bỏ cũng được, nhưng chú chỉ nói vì con Tịnh không thuận lấy con cụ Hàn nữa chứ đừng có dính tôi vào đấy.

Chú tôi chỉ cần chờ có thế là tức tốc đi tới nhà cụ Hàn Khoan ngay. Chú tôi khéo léo dẫn dắt câu chuyện để cụ Hàn hiểu việc từ hôn là một yêu cầu chính đáng của cháu mình. Cụ nghe xong thốt kêu lên:

- Trời ơi! Con dâu tôi, tôi đã đi lại 4, 5 năm rồi. Vì ai pha dèm mà đến nỗi như thế hử trời?

Chú tôi đáp:

- Chẳng có ai pha dèm đâu! Chỉ vì chị tôi thiệt phận chết sớm để lại hai chị em nó nên chúng tôi ai cũng thương. Con chị đã gả về cho con ông Cửu Xước.

Chồng nó vì làm quốc sự mà phải vào tù nên đã mấy năm nay tiếng rằng có chồng, nó vẫn chưa được gặp mặt. Nay đến lượt con em, thôi thì chiều cháu, nó thương ai cho nó lấy người ấy, bắt ép nữa thì không nên.

Thế là cụ Hàn lật đặt vào nhà ôm ra một chiếc va-ly mở khóa cho chú tôi xem: nào quần áo, vòng xuyên, nữ trang... cái gì cũng có đủ. Cụ vừa lật từng món vừa nói:

- Đây, đồ nữ trang của con dâu tôi, tôi đã sắm đủ cả rồi. Thấy nó cũng đã lớn, tôi mấy lần xin cưới nhưng bên ông Hàn chưa cho. Nay biết làm sao bây giờ?

Chú tôi phải giải thích mãi cụ mới nguôi ngoai dần. Chú tôi trở về báo tin, tôi như mở cờ trong bụng. Nhưng tôi vẫn còn ở nhà với bà tôi chưa ra Vinh vội, mặc dù anh Đồng Chi cũng đã biết tin và cứ nhắc tôi ra. Tôi nghĩ: vừa mới thôi con cụ Hàn Khoan đã tấp tểnh nhận lời người khác thì cũng kỳ, cứ từ từ mà hay hơn. Năm 1935, cụ Nguyễn Hiệt Chi ra Vinh lĩnh lương hưu, ở nhà cha tôi được mấy ngày cụ bị cảm rồi mất đột ngột. Trước khi lâm chung cụ có troi với cha tôi: "Xin cụ hãy thương lấy thằng Gióng nhà tôi" (Gióng là tên tục của anh Đồng Chi). Ít lâu sau tôi ra Vinh thì anh Đồng Chi đã phải về quê nhà để lo liệu việc nhà giúp mẹ. Cha tôi gọi tôi đến bên ông, đưa cho tôi một mảnh giấy ghi tên sáu chàng thanh niên và hỏi tôi:

- Trong sáu người này con thuận lấy ai để thầy trả lời cho người ta biết.

Tôi liếc nhìn qua thì thấy trong số đó có một người đậu Quốc Học ra làm Phán tòa, một người nữa đậu Quốc Học rồi làm thầy Ký nhà băng, có một vài người đang học Quốc Học, một người là em ông Phó Đức Thành, và cũng có cả tên anh Nguyễn Đồng Chi nữa.

Tôi không chút chần chừ bảo với cha tôi, tôi thuận lấy anh Đồng Chi. Cha tôi chỉ người làm Phán tòa và thầy Ký nhà băng hỏi tôi:

- Sao những người này con không lấy con lại thuận lấy cậu Đồng Chi?

Tôi trả lời:

- Những người đó tuy là thầy Thông, thầy Phán thật nhưng con chưa hiểu rõ con người và tâm tính họ ra sao, thì nhận lời sao tiện, vì con lấy là lấy chồng chứ đâu có lấy cái danh của họ. Còn cậu Đồng Chi với con đã biết nhau lâu rồi. Vả lúc trước thầy đã ở trong nhà người ta đến 8 năm, chắc thầy đã biết gia đình người ta như thế nào rồi!

Nghe lời tôi, cha tôi bèn quyết định viết thư phúc đáp anh Nguyễn Đồng Chi, nhắc lại lời dặn lúc lâm chung của người bạn quá cố là cụ Hiệt Chi và chấp nhận lời đề nghị của cụ. Được tin ấy anh Đồng Chi vội cho gia đình sắm sửa lễ vật rồi xuôi thuyền ra Vinh làm lễ vấn danh chỉ sau có vài tuần.

Thế là từ đấy tôi trở thành vợ chưa cưới của anh. Nhưng những trắc trở giữa tôi và anh thì vẫn chưa hết. Một số người tỏ ý ghen ghét với cuộc nhân duyên của hai chúng tôi, tất nhiên đây là những ai trước đây đã từng để mắt tới tôi và bị tôi khước từ. Họ gửi thư nặc danh tới nhà anh Đồng để dọa, trong đó có một bức thư lấy tên cụ Hàn Khoan, chê trách anh Đồng đã cướp con dâu của cụ. Khi anh Đồng Chi mang mấy lá thư này ra Vinh, cậu em tôi là Đoàn Thượng Xuân đọc kỹ và tìm thấy ở lá thư nặc danh cụ Hàn Khoan nét chữ của thầy Ký Ch. Cậu bảo cho chúng tôi biết:

- Cụ Hàn Khoan đứng đắn, không bao giờ lại làm cái việc trẻ con này cả. Vả lại có ai lại viết thư mà ký tên là Hàn Khoan bao giờ.

Biết vậy, tôi nghĩ mà ái ngại cho thầy Ký Ch. vì thất vọng nên làm việc quần, chứ cũng không chê trách gì thầy. Tôi nhớ lại dạo anh Đồng đang ở Vinh, một hôm anh cùng tôi đứng sau nhà nói chuyện, bỗng nghe có tiếng động ở bụi cây gần đấy nhưng rồi cũng không để ý. Hôm sau, thầy Ký Ch. gặp tôi, mặt có vẻ hăm hăm, chốc sau mới bảo:

- Hôm qua em đứng với ai sau nhà? Em liệu đấy. Tôi cầm một viên gạch rất to, đã định ném cho kẻ kia một mẻ, nhưng rồi nghĩ lại, nhớ ra lại mang tiếng là bất lịch sự, nên tôi lại thôi.

Tôi ngạc nhiên đứng đờ ra, nhìn thầy một lúc rồi bỏ đi không thềm nói một lời nào. Con người ấy là người có học hẩn hoi thế mà ngờ đâu lại có những ý nghĩ liều lĩnh như vậy được. Từ đấy về sau tôi rất ít tiếp xúc với thầy.

Nhưng cũng chính vì những chuyện lồi thòi đó mà anh Đồng Chi muốn tổ chức lễ cưới cho nhanh. Bảy giờ “Chi gia trang” của anh ở quê nhà Ba Xã, Can Lộc đã được xây dựng xong. Chỉ có thời hạn cư tang cụ Hiệt Chi 3 năm thì vẫn chưa mãn. Chưa mãn tang mà đã cưới vợ thuở đó vẫn là điều cấm kỵ. Họ Nguyễn nhà anh lại là một họ lớn trong vùng, gồm 6 chi mà gia đình anh là chi trưởng. Anh bèn trình bày với bà mẹ rồi làm một lá đơn thưa với họ cho phép mình được cưới vợ trước khi hết tang cha để có người về lo việc nội trợ, kéo ông anh đi làm viên chức ở xa, còn người em thì còn bận đi học. Tất cả họ hàng bàn tính rồi đều ký vào lá đơn của anh. Nhờ đó vào năm 1936, lễ cưới giữa tôi và anh diễn ra êm thấm và dễ dàng. Từ Vinh họ hàng nhà gái đi dò hơn 30 cây số thì đến Kênh Cạn rồi lên bộ đi 3, 4 cây số nữa mới đến nhà anh. Tôi không ngờ “Chi gia trang” của anh lại to lớn đến thế, một ngôi biệt thự một tầng cao lừng lững, nằm giữa một khu vườn rộng, hoa trái thật sum suê, hàng chè mạn hảo cắt đều tăm tắp. Một phòng sách có cơ man là sách và báo nằm ngay ngắn trong những giá sách chất cao đến trần. Từ đó tôi trở thành người nội trợ chính của gia đình, chăm sóc cho bà mẹ anh và anh từ bữa ăn hàng ngày đến việc thu dọn những sách vở ngổn ngang trong nhà sách Mộng Thương mà anh lúc nào hầu như cũng đứng trên gác rút hết quyển này đến quyển khác xuống khiến cho từ bàn ghế đến nền nhà đều bừa bộn những sách.

Lại nói về thầy Ký Ch. Lúc tôi sắp về nhà anh Đồng Chi, anh có gặp tôi một lần cuối. Anh bảo:

- Bao giờ em có con thì tôi sẽ đi rất xa.

Tôi về nhà chồng được một năm thì sinh con đầu lòng (Huệ Chi bây giờ). Vì có mang con so nên trước ngày sinh lại phải đi thuyền ra Vinh để tới nhà họ sinh nằm cho bảo đảm. Để con xong mẹ con tôi về nhà cha tôi nghỉ ngơi để chuẩn bị về quê. Tôi đang nằm trong buồng với con thì thầy Lương Xuân Ch. ở đâu ghé ngang, đứng ở ngoài cửa. Nhân lúc không có ai cả, anh tranh thủ nói vội:

- Tôi ghé lại để chào cô và cũng sắp đi xa. Đi biệt vân mòng, không bao giờ trở lại đây nữa. Chỉ mong cô và gia đình được yên vui hạnh phúc tôi mừng.

Tôi không trả lời anh nhưng trong lòng rất cảm động. Quả thật từ đấy anh ra đi biệt vô âm tín.

Rồi chồng tôi bước vào thời kỳ hoạt động sôi nổi: viết sách báo, tổ chức đội vũ trang bí mật, nhiều lần họp hành ở Chi gia trang, rồi cướp chính quyền huyện

Can Lộc thành công và ra Vinh làm công tác văn hóa... Suốt những năm tháng ấy vẫn không thấy anh Ch. đâu. Tôi những tưởng anh đã đi đến tận nơi nào nơi nào biệt cảnh hà cổ thật rồi.

Năm 1947 chồng tôi được Ban Kinh tài Liên khu ủy IV phân công lên công tác ở đồn điền Bà Triệu, Phủ Quỳ, cùng với nhiều anh em cùng hoạt động thuở trước. Anh đưa gia đình đi theo. Tôi lúc này đã một nách 4 con, phải lo thuê thuyền chở hết sách vở của anh ra Vinh, rồi sau một đêm ngủ giữa thành phố Vinh đang phá hoại: khắp nơi bộn bề gạch ngói và tiếng đập tường phá nhà chan chất suốt đêm không nghỉ, chúng tôi lại tay xách nách mang đưa con và đưa sách ra ga Yên Lý, tạm dừng ở đền Cuông vì ô tô hỏng máy, phải mua na ăn thay cơm, hôm sau kịp đáp xe đi Phủ Quỳ.

Đến Phủ Quỳ vào ban đêm, chúng tôi ở lại thị trấn một tuần rồi mới đem nhau tiền hô hậu ủng lên đồn điền Bà Triệu. Xe ô tô leo dốc gập ghềnh đi sâu vào nơi rừng xanh đất đỏ. Chúng tôi ai cũng sợ vì đường lên đèo xuống khe khá hiểm trở, lại nghe nói đêm đêm vẫn có hổ, báo rình trên đường. Được chừng 10 cây số thì bỗng nghe tiếng lao xao vọng đến: tiếng suối chảy xen với tiếng người ồn ào. Rồi rừng cây bỗng đâu mất hút một quãng rộng. Trước mắt là hàng trăm công nhân đang đốn cây, phát quang gai góc, đốt săng cỏ, dẫn tranh tre để bắt đầu dựng nhà cửa. Đó chính là đồn điền Bà Triệu của Ban Kinh tài. Thấy có một đoàn xe lên, những anh em làm ở gần vội nghỉ tay chạy ủa ra đón chúng tôi. Từ xa xa tôi thấy bóng một người cao lớn, ăn mặc gọn ghẽ, dáng dấp ra vẻ chỉ huy, sải bước đi tới. Tôi đứng ngẩn ra nhìn rồi sung sướng cất tiếng chào. Thì chính là anh Ch., thầy Ký Ch. ngày trước đang đứng trước mặt tôi đây. Sau câu chuyện hàn huyên tôi mới biết anh bây giờ cũng là một cán bộ của Ban Kinh tài Khu ủy IV và cùng lên đây công tác với anh chị Giám đốc Lê Kinh Phì, với cậu em Đoàn Thuợng Xuân của tôi, và nhiều bạn hữu khác.

Từ đấy chúng tôi lại trở thành bạn thân của nhau, thân hơn cả thuở trước. Anh vẫn chưa vợ con gì nên thường đến ăn cơm cùng gia đình chúng tôi. Và buổi trưa nào cũng vậy, anh đều ra ngồi dưới bóng một cây to để bốn con tôi xúm lại nhổ “tóc sâu” cho anh, hễ đứa nào nhổ được 10 sợi là được anh thưởng cho một hào bạc cạ Hồ. Món “tiền công” hậu hỹ đó làm các con tôi thích thú nên hầu như trưa nào cả bốn đứa cũng tíu tít vây lấy anh, hăm hờ nhổ tóc cho “bác Ch.” để lấy tiền về đưa mẹ. Chồng tôi nhìn thấy chỉ cười.

Chưa một lần nào anh Đồng Chi và tôi nói với các con về mối quan hệ cũ giữa ba chúng tôi, mặc dù chúng tôi đều hiểu nguyên ủy sâu xa của những trò chơi hào hứng nọ.

Ñ T T

Đã đăng trong *Nguyễn Đồng Chi - Người miệt mài tìm kiếm các giá trị văn hóa dân tộc*,
Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 262-284.